

DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.068

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI CÁC ĐIỂM DU LỊCH Ở THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Trương Trí Thông*

Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Trương Trí Thông (email: ttthong@kcg.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 06/02/2020

Ngày nhận bài sửa: 25/03/2020

Ngày duyệt đăng: 29/06/2020

Title:

Factors influencing the sustainable tourism development of tourist destinations in Ha Tien city, Kien Giang province

Từ khóa:

Du lịch bền vững, điểm du lịch, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang

Keywords:

Ha Tien city, Kien Giang province, sustainable tourism, tourist destinations

ABSTRACT

Sustainable tourism has been the development trends of tourism industry. Ha Tien city is one of the tourist attractions in Kien Giang. However, the development of tourism brings many positive and negative impacts on tourist destination. Thus, in order to minimize the negative impacts and take the benefits impacts of sea-island tourism it is essential to develop towards sustainability. Therefore, the main purpose of this study is to explore factors influencing the sustainable tourism development at scenic relics in Ha Tien city, Kien Giang province. The results show that eight factors influencing the sustainable tourism development at tourist destinations, Ha Tien city include: (1) Policies; (2) Safety and security; (3) Environment, road and accommodation; (4) Culture (5) People; (6) Economy; (7) Infrastructure and technical materials; (8) Entertainment and parking-lot. Based on outcomes, some solutions are proposed to promote the sustainable tourism development in the study area.

TÓM TẮT

Du lịch bền vững đang là xu hướng phát triển của ngành du lịch. Thành phố Hà Tiên là một trong những điểm du lịch hấp dẫn của tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, sự phát triển du lịch luôn mang cả tác động tích cực và tiêu cực cho điểm đến, vì vậy để giảm thiểu các tác động tiêu cực và phát huy các tác động tích cực mà du lịch mang lại, đòi hỏi phải phát triển bền vững. Do đó, mục đích của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Kết quả cho thấy có 08 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên: (1) Thể chế chính sách, (2) An toàn và an ninh, (3) Môi trường, đường sá và cơ sở lưu trú, (4) Văn hóa, (5) Con người, (6) Kinh tế, (7) Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật và (8) Dịch vụ giải trí và bãi đậu xe. Từ đó, một số giải pháp được đề xuất nhằm thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững ở địa bàn nghiên cứu.

Trích dẫn: Trương Trí Thông, 2020. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(3C): 184-193.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, du lịch đã và đang trở thành nhu cầu thiết yếu của con người. Sự phát triển của du lịch có đóng góp nhiều lợi ích cho đất nước và địa phương như giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy sản xuất và buôn bán hàng hóa,... Tuy nhiên, du lịch cũng tạo ra áp lực và những tác động tiêu cực không nhỏ ở điểm đến như vấn đề rác thải, ô nhiễm môi trường, vấn đề thương mại hóa, mất đi bản sắc dân tộc, an toàn – an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội,... Do đó, để hạn chế những tác động tiêu cực của du lịch và tận dụng những lợi ích do nó mang lại nhất thiết phải phát triển du lịch theo hướng bền vững. Bởi vì, du lịch bền vững sẽ tác động tích cực đến môi trường, đời sống xã hội và kinh tế; đồng thời, du lịch thực sự đóng vai trò quan trọng và là ngành mũi nhọn chỉ khi nó được phát triển một cách bền vững (Đào Thị Bích Nguyệt, 2012). Vì thế, du lịch bền vững ở các điểm đến đang là xu hướng phát triển của ngành công nghiệp du lịch ở hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang có tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng, cả về tự nhiên lẫn văn hóa như đền thờ dòng họ Mạc, Phù Dung cổ tự, núi Đá Dung, Thạch Động, Mũi Nai,... Chính vì vậy, thành phố Hà Tiên thu hút rất nhiều du khách, chỉ tính riêng 10 tháng đầu năm 2019 đã thu hút 2,3 triệu lượt khách, khách quốc tế trên 40.000 lượt (Thùy Trang, 2019). Với số lượng du khách đến Hà Tiên ngày càng nhiều sẽ góp phần cải thiện cuộc sống người dân tại các điểm đến, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân, tăng GDP của địa phương,... Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, việc phát triển du lịch ở các điểm du lịch này không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực đến kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; vì vậy, sự phát triển du lịch bền vững ở đây cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Thế nhưng, đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào liên quan đến sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, dẫn đến chưa có cơ sở để ra các giải pháp giúp phát triển du lịch bền vững ở nơi đây được tốt hơn.

Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm (1) phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở Hà Tiên; (2) phân tích sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang thông qua đánh giá của du khách; qua đó, (3) đề xuất một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển du lịch bền vững ở địa bàn nghiên cứu. Kết quả của nghiên cứu này không những có ý nghĩa quan trọng

về mặt lý luận mà còn thực tiễn đối với thành phố Hà Tiên cũng như tỉnh Kiên Giang trong việc thực thi các giải pháp phát triển du lịch bền vững.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

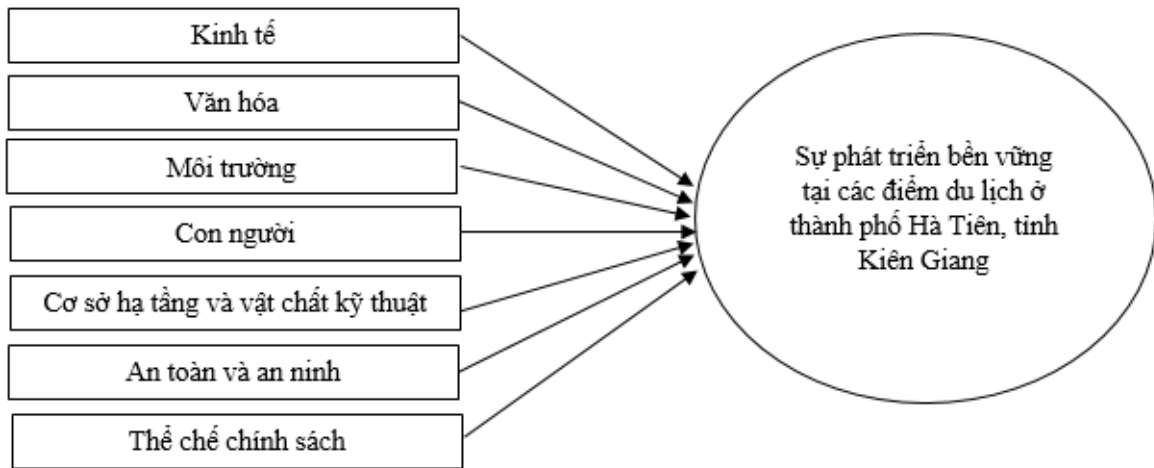
2.1 Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Trong vài năm gần đây, phát triển du lịch bền vững đang là đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả, nhà khoa học trên thế giới. Bản chất của việc phát triển du lịch có cả tác động tích cực và tiêu cực đối với các điểm đến; mặc dù du lịch có thể mang lại lợi ích kinh tế đáng kể cho nhiều quốc gia, khu vực và cộng đồng, nhưng sự mở rộng nhanh chóng của nó có thể tạo ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và văn hóa - xã hội (Riengchantr, 2016). Do đó, cần có biện pháp để khắc phục tình trạng này trong phát triển du lịch. Đó chính là phát triển du lịch bền vững. Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (1998, trích dẫn bởi Lu and Nepal, 2009), du lịch bền vững là du lịch đáp ứng được nhu cầu của du khách ở hiện tại mà lại duy trì và nâng cao cơ hội du lịch cho các du khách ở tương lai. Với mục đích là giảm các tác động tiêu cực và tăng các tác động tích cực đối với sự phát triển du lịch ở một điểm đến hoặc một loại hình du lịch cụ thể, du lịch bền vững được xem như là một công cụ hiệu quả để quản lý và quy hoạch du lịch. Theo Hall (1998), mục đích của sự phát triển du lịch bền vững là bảo vệ đời sống, văn hóa, xã hội và môi trường. Vì vậy, để phát triển du lịch bền vững cần có sự tham gia của những bên liên quan (nhà quản lý, doanh nghiệp, du khách và người dân địa phương) trong việc thực hiện các mục đích trên.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, phát triển du lịch bền vững chủ yếu xoay quanh ba trụ cột chính: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển văn hóa-xã hội ở địa phương (Ghosh, 2012; Phan Thị Kim Liên, 2013; Châu Quốc Tuấn và Nguyễn Thị Minh Hiền, 2014; Trương Trí Thông, 2019). Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững ở điểm đến: môi trường, trật tự an toàn và an ninh, văn hóa, thể chế chính sách, kinh tế, con người, sự đầy đủ của dịch vụ giải trí và bãi đậu xe, khả năng thuê xe máy và có khu vực cắm trại ở bãi biển, sự đầy đủ của hệ thống cảnh báo, cứu hộ và cầu cảng, bến tàu du lịch (Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân, 2019), nguồn tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết bị hạ tầng, con người, dịch vụ du lịch, đường lối chính sách phát triển du lịch, sự tham gia của cộng đồng (Đào Thị Bích Nguyệt, 2012), điều kiện các dịch vụ hỗ trợ, chất lượng dịch vụ, những tác động của du lịch, sự tham gia của người dân địa phương và các bên có liên quan, mức độ trách nhiệm, tài nguyên và môi trường tự nhiên, kiến thức

của du khách (Jahan and Rahman, 2016), sự nhận thức, chính sách, thiên tai, môi trường tự nhiên, cơ sở hạ tầng (Islam, 2015), nguồn lực và sự cung ứng, giải trí và sự quản lý, văn hóa, an ninh, ưu đãi của khách sạn, chi phí thấp (Díaz and Rodríguez, 2016), khả năng thu hút du khách, khả năng tiếp cận, trang thiết bị, an toàn và an ninh (Polnyotee and Thadaniti, 2014), an ninh xã hội và tai nạn giao thông, phát triển kinh tế, tình trạng rác thải, chính sách quản lý của địa phương, lập kế hoạch phát triển và phân phối lợi ích du lịch, giá trị văn hóa, sự quay lại của du khách, sự hài lòng, giá cả hàng hóa và dịch vụ, hệ

thống cảnh báo và cứu hộ; tình trạng rác thải, quản lý của chính quyền địa phương, phát triển kinh tế và trật tự an sinh xã hội, giá trị văn hóa, giá cả hàng hóa và dịch vụ, hệ thống cứu hộ và giải trí (Le *et al.*, 2018). Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đó, các tiêu chí dùng trong mô hình nghiên cứu để đánh giá sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang bao gồm 7 tiêu chí: kinh tế, văn hóa, môi trường, con người, cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, an toàn và an ninh, thể chế chính sách (Hình 1).



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả, 2019

Bảng 1: Tiêu chí và biến quan sát của nghiên cứu

Tiêu chí	Biến quan sát	Nguồn
Kinh tế (KT)	Cơ hội việc làm của người dân địa phương từ du lịch (KT1); Thu nhập của người dân địa phương từ du lịch (KT2); Chất lượng cuộc sống của người dân địa phương (KT3)	Lê Thị Tố Quyên và <i>ctv.</i> (2018), Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
	Giá cả dịch vụ du lịch tại điểm đến (KT4)	Díaz and Rodríguez (2016), Le <i>et al.</i> (2018), Lê Thị Tố Quyên và <i>ctv.</i> (2018), Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
Văn hóa (VH)	Sự độc đáo về văn hóa ẩm thực truyền thống của người dân địa phương (VH1)	Díaz và Rodríguez (2016), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Trương Trí Thông (2019)
	Mức độ hấp dẫn và công tác bảo vệ di tích (VH2)	Díaz and Rodríguez (2016), Le <i>et al.</i> (2018), Lê Thị Tố Quyên và <i>ctv.</i> (2018), Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
	Sự thay đổi lối sống văn hóa truyền thống của người dân địa phương (VH3); Mức độ thương mại hóa văn hóa truyền thống của người dân địa phương (VH4)	Le <i>et al.</i> (2018), Lê Thị Tố Quyên và <i>ctv.</i> (2018), Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)

Môi trường (MT)	Rác thải tại các di tích (MT1); Nước ngọt sử dụng (MT2)	Islam (2015), Jahan and Rahman (2016), Le <i>et al.</i> (2018), Lê Thị Tố Quyên và <i>ctv.</i> (2018), Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
	Sự ô nhiễm nước biển (MT3)	Islam (2015), Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
Con người (CN)	Thái độ của người dân địa phương về hoạt động du lịch (CN1); Sự chuyên nghiệp của đội ngũ lao động trong du lịch (CN2); Khả năng giao tiếp của đội ngũ lao động du lịch (CN3)	Díaz and Rodríguez (2016), Jahan and Rahman (2016), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Trương Trí Thông (2019)
	Số lượng khách du lịch ở điểm du lịch (CN4)	Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Trương Trí Thông (2019)
Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật (HTKT)	Mức độ phù hợp về kiến trúc của cơ sở lưu trú (HTKT1); Khả năng thuê xe máy (HTKT2); Sự đầy đủ của khu cắm trại (HTKT3); Sự đầy đủ các bãi đậu xe nơi tham quan (HTKT4); Sự bê tông hóa của đường sá (HTKT5)	Đào Thị Bích Nguyệt (2012), Islam (2015), Jahan and Rahman (2016), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
	Sự đầy đủ của hệ thống cảnh báo, cứu hộ du lịch (HTKT6)	Đào Thị Bích Nguyệt (2012), Islam (2015), Le <i>et al.</i> (2018), Lê Thị Tố Quyên và <i>ctv.</i> (2018), Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
An toàn và an ninh (ATAN)	Tình trạng chèo kéo khách (ATAN1); Tình trạng trộm cắp (ATAN2); Tình trạng ăn xin (ATAN3); Tình trạng bán hàng rong (ATAN4)	Polnyotee and Thadaniti (2014), Le <i>et al.</i> , 2018, Trương Trí Thông (2019), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019)
Thể chế chính sách (CS)	Sự hợp lý trong công tác quy hoạch du lịch (CS1)	Islam (2015), Díaz and Rodríguez (2016), Le <i>et al.</i> (2018), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Trương Trí Thông (2019)
	Sự đầy đủ của các băng rôn tuyên truyền về bảo vệ môi trường (CS2)	Islam (2015), Le <i>et al.</i> (2018), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Trương Trí Thông (2019)
	Sự đầy đủ trang thiết bị phòng chống cháy nổ ở cơ sở lưu trú (CS3); Sự đầy đủ áo phao cứu hộ trên tàu, thuyền du lịch (CS4)	Islam (2015), Le <i>et al.</i> (2018), Lê Thị Tố Quyên và <i>ctv.</i> (2018), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Trương Trí Thông (2019)

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2019

2.2 Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu chính của nghiên cứu là thông tin phân hồi từ 150 du khách nội địa đang thực hiện chuyến du lịch tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), cỡ mẫu ít nhất phải bằng 4 hay 5 lần số biến trong phân tích nhân tố, trong nghiên cứu này sử dụng 30 biến quan sát do đó số lượng mẫu 150 là phù hợp ($n=30 \times 5=150$). Các địa điểm du lịch được khảo sát bao gồm: Mũi Nai, Núi Đá Dung và Thạch Động. Kết quả của bài viết này chủ yếu dựa trên dữ liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn du khách thông qua bảng câu hỏi với kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện. Thời gian phỏng vấn từ tháng 4 đến

tháng 12 năm 2019. Dữ liệu sau khi được thu thập được mã hóa và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Các phương pháp được sử dụng trong phân tích dữ liệu gồm:

(1) Phương pháp thống kê mô tả dưới dạng giá trị trung bình được dùng để đo lường mức độ phát triển bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên thông qua đánh giá của du khách. Giá trị trung bình được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức độ, giá trị trung bình từng mức độ sẽ là: mức độ 1 (1,00 – 1,80 = rất không bền vững); mức 2 (1,81 – 2,60 = không bền vững); mức 3 (2,61 – 3,40 = không phải bền vững cũng không phải không bền vững); mức 4 (3,41 – 4,20 = bền vững); mức 5 (4,21 – 5,00 = rất bền vững).

(2) Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của các thang đo và biến quan sát trong nghiên cứu có phù hợp hay không trước khi đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Thang đo đảm bảo độ tin cậy khi $0,6 \leq \text{Cronbach's } \alpha \leq 1$ (Nunnally, 1978 ; Peterson, 1994 ; Slate, 1995; trích dẫn bởi Lê Văn Huy và Trương Trần Trâm Anh, 2012) và biến đo lường của thang đo có hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh $\geq 0,3$ (Nunnally and Bernstein, 1994 ; trích bởi Nguyễn Đình Thọ, 2011).

(3) Phương pháp phân tích nhân tố khám phá được sử dụng để xác định những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững ở các điểm du lịch tại thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang và biến tác động nhiều trong từng nhân tố. Để phân tích nhân tố khám phá, Kaiser (1974) cho rằng $\text{KMO} \geq 0,9$: Rất tốt; $\text{KMO} \geq 0,8$: Tốt; $\text{KMO} \geq 0,7$: Được; $\text{KMO} \geq 0,6$: Tạm được; $\text{KMO} \geq 0,5$: Xấu; và $\text{KMO} < 0,5$:

Bảng 2: Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo

Tiêu chí	Số biến	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh
Kinh tế	4	0,748	0,364 → 0,707
Văn hóa	5	0,787	0,454 → 0,666
Môi trường	3	0,835	0,654 → 0,754
Con người	4	0,772	0,463 → 0,656
Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật	6	0,740	0,379 → 0,551
An toàn và an ninh	4	0,884	0,727 → 0,790
Thế chế chính sách	4	0,900	0,708 → 0,843

Nguồn: Kết quả khảo sát du khách năm 2019, n=150

Sau khi kiểm định KMO và Bartlett (Bảng 3), $\text{KMO} = 0,813$ (chỉ số KMO tốt) và giá trị $\text{Sig.} = 0,000 (< 0,05)$ (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Vậy dữ liệu này đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 3: Kiểm định KMO và Bartlett

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	.813
Approx. Chi-Square	2251.694
Bartlett's Test of Sphericity	Df 435
Sig.	.000

Nguồn: Kết quả khảo sát du khách năm 2019, n=150

Dựa vào bảng ma trận nhân tố sau khi xoay, có 08 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền

Không thể chấp nhận được (trích trong Nguyễn Đình Thọ, 2011). Ngoài ra, nếu kiểm định Bartlett có giá trị $\text{Sig.} > 0,05$ (không có ý nghĩa thống kê) thì không nên áp dụng phân tích nhân tố. Theo Hair *et al.* (2009; trích trong Lê Văn Huy và Trương Trần Trâm Anh, 2012) với cỡ mẫu nghiên cứu là 150 thì biến thuộc nhân tố khi có hệ số tải $\geq 0,45$.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên

Kết quả đánh giá độ tin cậy của 7 thang đo với 30 biến quan sát bằng hệ số Cronbach's α đều trên 0,7 (thang đo lường chấp nhận được và tốt) và tất cả các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh $\geq 0,3$ (Bảng 2). Như vậy, tất cả các biến quan sát đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Bảng 4: Ma trận điểm số nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố							
	1	2	3	4	5	6	7	8
CS3	0,289							
CS4	0,306							
CS2	0,272							
CS1	0,285							
ATAN1		0,331						
ATAN3		0,285						
ATAN2		0,305						
ATAN4		0,275						
MT3			0,362					
MT1			0,360					
MT2			0,252					
HTKT5			0,215					
HTKT1			0,192					
VH1				0,334				
VH2				0,309				
VH3				0,301				
VH4				0,260				
CN3					0,400			
CN4					0,377			
CN2					0,258			
CN1					0,250			
KT2						0,376		
KT3						0,326		
KT1						0,308		
KT4						0,300		
HTKT2							0,486	
HTKT3							0,432	
HTKT6							0,217	
VH5								0,499
HTKT4								0,473

Nguồn: Kết quả khảo sát từ du khách năm 2019, n=150

Dựa vào bảng ma trận điểm số nhân tố (Bảng 4), có các phương trình nhân tố như sau:

$$F1= 0,289CS3 + 0,306CS4 + 0,272CS2 + 0,285CS1$$

Nhân tố 1 gồm 04 biến: CS3 (Sự đầy đủ trang thiết bị phòng chống cháy nổ ở cơ sở lưu trú), CS4 (Sự đầy đủ áo phao cứu hộ trên tàu, thuyền du lịch), CS2 (Sự đầy đủ của các băng rôn tuyên truyền về bảo vệ môi trường) và CS1 (Sự hợp lý trong công tác quy hoạch du lịch). Nhân tố này được đặt tên là “Thế chế chính sách”.

$$F2= 0,331ATAN1 + 0,285ATAN3 + 0,305ATAN2 + 0,275ATAN4$$

Nhân tố 2 gồm 04 biến: ATAN1 (tình trạng chèo kéo khách), ATAN3 (tình trạng ăn xin), ATAN2 (tình trạng trộm cắp) và ATAN4 (tình trạng bán

hàng rong). Nhân tố này được đặt tên là “An toàn và an ninh”.

$$F3= 0,362MT3 + 0,360MT1 + 0,252MT2 + 0,215HTKT5 + 0,192HTKT1$$

Nhân tố 3 gồm 05 biến: MT3 (sự ô nhiễm nước biển), MT1 (rác thải tại các di tích), MT2 (nước ngọt sử dụng), HTKT5 (sự bê tông hóa của đường sá) và HTKT1 (mức độ phù hợp về kiến trúc của cơ sở lưu trú). Nhân tố này được đặt tên là “Môi trường, đường sá và cơ sở lưu trú”.

$$F4= 0,334VH1 + 0,309VH2 + 0,301VH3 + 0,206VH4$$

Nhân tố 4 gồm 04 biến: VH1 (sự độc đáo về văn hóa ẩm thực truyền thống của người dân địa phương), VH2 (mức độ hấp dẫn và công tác bảo vệ các di tích), VH3 (sự thay đổi lối sống văn hóa

truyền thống của người dân địa phương) và VH4 (mức độ thương mại hóa văn hóa truyền thống của người dân địa phương). Nhân tố này được đặt tên là “Văn hóa”.

$$F5= 0,400CN3 + 0,377CN4 + 0,258CN2 + 0,250CN1$$

Nhân tố 5 gồm 04 biến: CN3 (khả năng giao tiếp của đội ngũ lao động du lịch), CN4 (số lượng khách du lịch ở điểm du lịch), CN2 (sự chuyên nghiệp của đội ngũ lao động trong du lịch) và CN1 (thái độ của người dân địa phương về hoạt động du lịch). Nhân tố này được đặt tên là “Con người”.

$$F6= 0,376KT2 + 0,326KT3 + 0,308KT1 + 0,300KT4$$

Nhân tố 6 gồm 04 biến: KT2 (thu nhập của người dân địa phương từ du lịch), KT3 (chất lượng cuộc sống của người dân địa phương), KT1 (cơ hội việc làm của người dân địa phương từ du lịch) và KT4 (giá cả dịch vụ du lịch tại điểm đến). Nhân tố này được đặt tên là “Kinh tế”.

$$F7= 0,486HTKT2 + 0,432HTKT3 + 0,217HTKT6$$

Nhân tố 7 gồm 3 biến: HTKT2 (khả năng thuê xe máy), HTKT3 (sự đầy đủ của khu cắm trại) và HTKT6 (sự đầy đủ của hệ thống cảnh báo, cứu hộ du lịch). Nhân tố này được đặt tên là “Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật”.

$$F8= 0,499VH5 + 0,473HTKT4$$

Nhân tố 8 bao gồm 2 biến: VH5 (sự đầy đủ các dịch vụ giải trí) và HTKT4 (sự đầy đủ các bãi đậu xe nơi tham quan”. Nhân tố này được đặt tên là “Dịch vụ giải trí và bãi đậu xe”.

3.2 Đánh giá sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên

Theo cảm nhận của du khách, 08 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang là: (1) “Thế chế chính sách”, (2) “An toàn và an ninh”, (3) “Môi trường, đường sá và cơ sở lưu trú”, (4) “Văn hóa”, (5) “Con người”, (6) “Kinh tế”, (7) “Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật” và (8) “Dịch vụ giải trí và bãi đậu xe”. Sau đây là đánh giá cụ thể của du khách đối với từng nhân tố:

Thế chế chính sách có ý nghĩa quan trọng trong phát triển du lịch bền vững, nó giúp nâng cao trách nhiệm của các bên liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, đảm bảo sự an toàn cho du khách và tạo ra những định hướng trong phát triển du lịch. Theo

đánh giá của du khách, thế chế chính sách tại các điểm di tích thắng cảnh ở thành phố Hà Tiên là bền vững (M=3,62), cụ thể: sự đầy đủ áo phao cứu hộ trên tàu, thuyền du lịch (M=3,76), sự đầy đủ trang thiết bị phòng chống cháy nổ ở cơ sở lưu trú (M=3,66), sự đầy đủ của các bảng rôn tuyên truyền về bảo vệ môi trường (M=3,55) và sự hợp lý trong công tác quy hoạch du lịch (M=3,51). Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Đào Thị Bích Nguyệt (2012), Islam (2015), Le *et al.* (2018), Lê Thị Tố Quyên *et al.* (2018), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019).

Sự an toàn và an ninh là một trong những điều kiện phát triển du lịch ở các điểm du lịch nói chung và sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch nói riêng. Sự an toàn và an ninh được đảm bảo sẽ giúp cho du khách cảm thấy an tâm và thoải mái khi đi du lịch. Nghiên cứu của Polnyotee and Thadaniti (2014), Díaz and Rodríguez (2016) và Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019) cũng cho ra kết quả tương tự. An toàn và an ninh tại các điểm điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên được du khách đánh giá là không phải bền vững cũng không phải không bền vững (M=3,21). Tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên vẫn còn tình trạng bán hàng rong (M=3,31), tình trạng trộm cắp (M=3,23), chèo kéo du khách (M=3,18) và ăn xin (M=3,12).

Một trong những yếu tố quan trọng để phát triển du lịch bền vững của điểm du lịch đó chính là môi trường, bởi vì môi trường là nơi diễn ra hoạt động của du lịch tại điểm đến. Đường sá và cơ sở lưu trú cũng ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững, bởi vì đường sá sẽ giúp cho du khách có thể tiếp cận điểm du lịch một cách dễ dàng còn cơ sở lưu trú là một nhu cầu thiết yếu của du khách khi đi du lịch. Nhân tố “môi trường, đường sá và cơ sở lưu trú” là kết quả nghiên cứu khác so với các kết quả trước như Đào Thị Bích Nguyệt (2012), Islam (2015), Jahan and Rahman (2016), Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019). Môi trường, đường sá và cơ sở lưu trú được du khách đánh giá là bền vững (M=3,71) thông qua các điểm du lịch không có rác thải (M=3,84), không thiếu nước ngọt sử dụng (M=3,82), đường sá chưa bị bê tông hóa nhiều (M=3,81) và tình trạng nước biển chưa bị ô nhiễm (M=3,79). Tuy nhiên, kiến trúc của cơ sở lưu trú chưa phù hợp với văn hóa của địa phương (M=3,27).

Các di tích, văn hóa truyền thống và văn hóa ẩm thực của người dân bản địa là nguồn tài nguyên du lịch văn hóa độc đáo và đặc trưng của từng vùng miền, nó giúp cho chuyến du lịch của du khách tăng thêm tính hấp dẫn. Vì vậy, sự đa dạng và độc đáo

của chúng sẽ làm nên tính bền vững ở điểm đến. Kết quả này ủng hộ nghiên cứu của Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Díaz and Rodríguez (2016), Le *et al.* (2018), Lê Thị Tố Quyên và *ctv.* (2018). Văn hóa ở các điểm du lịch tại thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nằm ở mức độ bền vững (M=3,50). Điều này thể hiện qua: chưa có sự thay đổi lối sống văn hóa truyền thống (M=3,59) và sự thương mại hóa văn hóa truyền thống của người dân địa phương (M=3,59), các công trình di tích có sức hấp dẫn, được bảo vệ tốt (M=3,51). Tuy nhiên, vấn đề văn hóa ẩm thực truyền thống của người dân địa phương tại điểm đến chưa được chú trọng (M=3,26).

Hình ảnh tích cực người dân địa phương và nhân viên du lịch sẽ góp phần làm hài lòng, tăng lòng trung thành của du khách và ngược lại. Sự hài lòng và lòng trung thành của du khách sẽ giúp cho du khách quay trở lại điểm du lịch đó trong những lần tiếp theo. Kết quả của Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Đào Thị Bích Nguyệt (2012), Jahan and Rahman (2016), Díaz and Rodríguez (2016) cũng cho thấy nhân tố con người có ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững. Theo du khách, nhân tố con người đạt được sự bền vững (M=3,59) bởi người dân có thái độ tích cực đối với ngành du lịch (M=3,62), đội ngũ nhân viên phục vụ có khả năng giao tiếp (M=3,59), chuyên môn nghiệp vụ và nghiệp vụ tốt (M=3,54), cùng với đó là không có tình trạng quá đông đúc du khách ở các điểm du lịch (M=3,53).

Thúc đẩy phát triển kinh tế ở điểm đến là yêu cầu cần thiết và phải có trong việc phát triển du lịch bền vững. Nhân tố kinh tế được Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), Díaz and Rodríguez (2016), Le *et al.* (2018), Lê Thị Tố Quyên và *ctv.* (2018) khẳng định có ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững trong kết quả nghiên cứu của mình. Theo du khách thì nền kinh tế tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên đang phát triển tích cực và đảm bảo được yêu cầu về sự bền vững (M=3,75). Nhờ vào sự phát triển của ngành du lịch mà người dân nơi đây có thêm thu nhập (M=3,88), chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện đáng kể (M=3,79) và có thêm việc làm (M=3,78). Ngoài ra, giá cả dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch chưa tăng lên bất thường (M=3,55).

Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển du lịch cũng như du lịch bền vững. Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật giúp điểm đến đầy đủ tiện nghi, đem lại sự sẵn sàng phục vụ và tiếp đón, từ đó nhu cầu tham quan và trải nghiệm của du khách được đáp ứng đầy đủ hơn. Kết

quả này giống với kết quả của Đào Thị Bích Nguyệt (2012) và Islam (2015). Vấn đề cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật tại các điểm di tích thắng cảnh ở Hà Tiên đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch và phát triển bền vững (M=3,70), ở đây có nhiều khu vực có thể cắm trại ngoài trời (M=3,76), hệ thống cảnh báo và cứu hộ du lịch đầy đủ ở các điểm tham quan (M=3,72) và địa phương có nhiều cơ sở cho thuê xe máy (M=3,61).

Dịch vụ giải trí và bãi đỗ xe là điều kiện cần cho việc phát triển du lịch và có ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Dịch vụ giải trí sẽ giúp cho chuyến đi của du khách thêm hấp dẫn, kéo dài thời gian tham quan, lấp đầy thời gian rỗi của du khách và tạo thêm thu nhập cho người dân tại điểm du lịch; còn bãi đỗ xe sẽ tạo điều kiện cho việc hoạt động du lịch tại điểm đến được diễn ra thuận lợi hơn. Kết quả này phù hợp với kết quả của Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2019), dịch vụ giải trí và bãi đỗ xe là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững. Du khách cho rằng, dịch vụ giải trí và bãi đỗ xe ở các điểm di tích thắng cảnh tại Hà Tiên đáp ứng được sự phát triển du lịch bền vững (M= 3,62) vì không thiếu bãi đỗ xe để phục vụ nhu cầu đỗ đậu phương tiện chuyên chở và vận chuyển của du khách (M=3,68) và dịch vụ giải trí đa dạng (M=3,55).

3.3 Sự khác biệt về mức độ phát triển bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên

Sau khi kiểm tra mối quan hệ về mức độ phát triển bền vững tại Mũi Nai, Thạch Động và núi Đá Dựng ở thành phố Hà Tiên thì kết quả cho thấy có sự khác biệt về mức độ phát triển bền vững ở các điểm du lịch này. Tại điểm du lịch núi Đá Dựng có mức độ phát triển du lịch bền vững cao nhất, kế đến là điểm du lịch Thạch Động và thấp nhất là điểm du lịch Mũi Nai (Bảng 5).

Bảng 5: Sự khác biệt về mức độ phát triển bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên

Điểm du lịch	Giá trị trung bình	Sig.
Núi Đá Dựng	3,34	0,05
Thạch Động	2,98	
Mũi Nai	2,74	

Nguồn: Kết quả khảo sát du khách năm 2019, n=150

3.4 Giải pháp phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên

Từ kết quả đánh giá của du khách, một số giải pháp được đề xuất nhằm phát triển du lịch ở các

điểm du lịch ở Hà Tiên được bền vững hơn trong tương lai như sau:

Thứ nhất, cơ quan quản lý du lịch tại địa phương cần có những biện pháp hợp lý tại các điểm du lịch như không phá hoại cảnh quan tự nhiên, quy hoạch nơi tham quan và nơi buôn bán,...ngoài ra, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng cần chú trọng hơn trong việc kiểm tra và xử lý trường hợp tàu, thuyền chở du khách nếu không có áo phao, đặc biệt là cho du khách thuê ca nô tại di tích thắng cảnh Mũi Nai; đồng thời, cần kiểm tra việc thực hiện các thiết bị phòng chống cháy nổ như bình cứu hỏa, vòi phun nước tự động khi có hỏa hoạn của các cơ sở lưu trú,... để đảm bảo thực hiện tốt và duy trì sự bền vững ở hiện tại và cả tương lai.

Thứ hai, vấn đề an toàn an ninh ở các điểm du lịch tại thành phố Hà Tiên còn dưới mức độ bền vững, do đó chính quyền địa phương và cơ quan ngành du lịch ở thành phố Hà Tiên và tỉnh Kiên Giang cần có những đội ngũ nhân viên bảo vệ tuần tra tại các điểm di tích thắng cảnh để chấn chỉnh và xử lý các trường hợp chèo kéo, trộm cắp, ăn xin và bán hàng rong tại các điểm du lịch, nhất là vào mùa cao điểm. Đồng thời, cần lắp đặt các biển báo có các số điện thoại đường dây nóng để du khách kịp thời phản ánh cũng như chính quyền địa phương kịp thời xử lý khi gặp các trường hợp chèo kéo, chắt chém, trộm cắp,...

Thứ ba, vấn đề môi trường hiện nay tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên đang ở mức độ bền vững, tuy nhiên, vẫn phải có tinh thần và chính sách duy trì sự bền vững này cho thế hệ tương lai. Chính vì vậy, để nâng cao và cải thiện vấn đề môi trường ở điểm du lịch tại Hà Tiên cần có các biển báo, băng rôn tuyên truyền ý thức người dân và du khách nhiều hơn nữa; cần có các thùng rác xung quanh khu vực tham quan; đưa ra những khung phạt cụ thể đối với việc vứt rác bừa bãi trong khu vực tham quan; có đội ngũ thu gom rác xung quanh các điểm du lịch, nhất là nơi có đông đảo du khách như ở Mũi Nai, sườn núi ở Thạch Động và núi Đá Dung.

Thứ tư, cần duy trì và xây dựng các cơ sở lưu trú gắn liền với văn hóa địa phương, tránh chạy theo xu hướng xây dựng nên các cơ sở lưu trú mang tính hiện đại. Khuyến khích người dân phát triển du lịch cộng đồng và homestay (lưu trú tại nhà dân) tại các điểm du lịch như ở gần Mũi Nai, núi Đá Dung hay Thạch Động, vừa đỡ chi phí đầu tư, vừa mang nét đặc trưng của địa phương, vừa tạo nên sự độc đáo khi trải nghiệm và du lịch tại đây.

Thứ năm, cần chú trọng khai thác các món ăn đặc sản của địa phương để phục vụ nhu cầu ẩm thực của du khách khi đến các điểm du lịch ở Hà Tiên như bánh lọt xào, cá chèo béo xào tương gừng, bún nhâm, bún kèn, chè hạt me, cà xiu, xôi Hà Tiên (xôi mặn, xôi ngọt),... Đây mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về việc giữ gìn nét văn hóa truyền thống của địa phương, tránh bị du lịch làm thương mại hóa lối sống của họ.

Thứ sáu, đội ngũ nhân viên du lịch bao gồm hướng dẫn viên, thuyết minh viên, nhân viên phục vụ nhà hàng, lễ tân,... cần được nâng cao về nghiệp vụ, khả năng phục vụ khách, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng chăm sóc khách hàng. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý du lịch cần xác định sức chứa của các điểm du lịch tại Hà Tiên nhằm đảm bảo số lượng du khách đến du lịch và tham quan phù hợp, nhất là vào dịp lễ, Tết, các ngày nghỉ dài ngày, nghỉ hè,... một mặt đáp ứng một cách hiệu quả nhu cầu của một lượng khách du lịch nhất định; một mặt giới hạn sự ảnh hưởng tiêu cực của du lịch đến với nguồn tài nguyên và dịch vụ tại nơi khách đến như ô nhiễm môi trường, phá hủy và tổn hại đến tài nguyên du lịch,...

Thứ bảy, đa dạng các hoạt động vui chơi giải trí tại điểm cho khách nhằm kích thích sự chi trả giúp nâng cao thu nhập cho người dân cũng như địa phương, nhất là các dịch vụ giải trí về đêm. Cần bố trí và quy hoạch khu vực cắm trại và khu vực dã ngoại cho du khách, nhất là khu vực ở bãi biển Mũi Nai để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch hoặc khách tham quan khi đến đây. Bố trí những khu vực cho thuê xe máy và bãi đỗ xe đầy đủ để du khách có thể thuận tiện tham quan. Thường xuyên rà soát lại và cung cấp đầy đủ các hệ thống cảnh báo và cứu hộ trong du lịch tại các điểm như ở bãi tắm tại Mũi Nai, khu vực đá, núi trơn trượt ở Núi Đá Dung hay Thạch Động,...nhằm đảm bảo sự an toàn cho du khách.

4 KẾT LUẬN

Du lịch bền vững đang là xu thế phát triển của ngành công nghiệp du lịch. Du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đang phát triển và thu hút đông đảo du khách. Sự phát triển du lịch ở đây mang lại rất nhiều lợi ích cho cư dân địa phương nhưng nó cũng gây ra những tác động tiêu cực đối với kinh tế, môi trường và văn hóa-xã hội. Để hạn chế những tác động tiêu cực của du lịch và tận dụng những lợi ích do nó mang lại nhất thiết phải phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Qua kết quả nghiên cứu, 08 nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang bao gồm:

Thể chế chính sách; An toàn và an ninh; Môi trường, đường sá và cơ sở lưu trú; Văn hóa; Con người; Kinh tế; Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật; Dịch vụ giải trí và bãi đậu xe. Trong 03 điểm du lịch: Mũi Nai, Thạch Động và núi Đá Dung ở Hà Tiên thì điểm du lịch Mũi Nai có mức độ phát triển du lịch bền vững kém nhất. Chính vì thế, để các điểm du lịch ở thành phố Hà Tiên được phát triển bền vững trong thời gian tới, chính quyền địa phương và cơ quan chức năng ngành du lịch cần xem xét và thực thi các giải pháp mà nghiên cứu đề xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Châu Quốc Tuấn và Nguyễn Thị Minh Hiền, 2014. Đánh giá phát triển du lịch biển đảo bền vững vịnh Bái Tử Long. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 12(6): 895-905.
- Thùy Trang, 2019. Thúc đẩy du lịch Hà Tiên phát triển bền vững, ngày truy cập 26/02/2020 tại <https://www.kiengiang.gov.vn/Trang/TinTuc/ChiTiet.aspx?nid=19973&chuyenmuc=253>.
- Díaz, R.M. and Rodríguez, T.F.E., 2016. Determining the Sustainability Factors and Performance of a Tourism Destination from the Stakeholders' Perspective. Sustainability. 8(9): <https://doi.org/10.3390/su8090951>
- Đào Thị Bích Nguyệt, 2012. Phát triển du lịch Nha Trang (Khánh Hòa) theo hướng bền vững. Luận văn cao học. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ghosh, T., 2012. Sustainable Coastal Tourism: Problems and Management Options. Journal of Geography and Geology. 4(10): 163-169.
- Hall, C., 1998. Tourism: Development, Dismensions and Issue (3rd ed). Addison Wesley Longman: South Melbourne. 390 pages.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS – Tập 2. Nhà xuất bản Hồng Đức. Thành phố Hồ Chí Minh, 180 trang.
- Islam, S.M., 2015. Study on factors influencing tourism: way forward for sustainable tourism in Bangladesh. Journal of Tourism, Hospitality and Sports. 6: 1-12.
- Jahan, N. and Rahman, S., 2016. Identifying the key factors influencing sustainable tourism in Bangladesh: A Quantitative Analysis. Paper presented at the meeting of the Asia Tourism Forum 2016 – The 12th Biennial Conference of Hospitality and Tourism Industry in Asia (ATF-16). 1/2016.
- Le, T.T.Q., Ly, M.T., Dao, N.C. and Nguyen, T.N., 2018. Evaluation of tourists and local people on the level of sustainable tourism development at the Nam Du Archipelago, Vietnam. International Leisure Review. 7(1): 58-74.
- Lê Thị Tố Quyên, Lý Mỹ Tiên, Đào Ngọc Cảnh và Nguyễn Trọng Nhân, 2018. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại quần đảo Nam du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang. 20(2): 97-109.
- Lê Văn Huy và Trương Trần Trâm Anh, 2012. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh. Nhà xuất bản Tài chính. Thành phố Hồ Chí Minh, 277 trang.
- Lu, J. and Nepal, S.K., 2009. Sustainable tourism research: an analysis of papers published in the Journal of sustainable tourism. Journal of Sustainable Tourism. 17(1): 5-16.
- Polnyotee, M. and Thadaniti, S., 2014. The survey of factors influencing sustainable tourism at Patong Beach, Phuket Island, Thailand. Mediterranean Journal of Social Sciences. 5(9): 650-655.
- Phan Thị Kim Liên, 2013. Nhận diện một số thách thức đối với du lịch bền vững tại Nha Trang. Hội thảo Khoa học Phát triển du lịch bền vững Nha Trang – Khánh Hòa. Tháng 3/2013. Trường Đại học Nha Trang.
- Riengchantr, A., 2016. Island Tourism and Sustainable Development in Thailand, Case Study of Koh Pha-Nga. Doctoral Thesis. Liverpool John Moores University. Liverpool city, England.
- Trương Trí Thông, 2019. Giải pháp phát triển du lịch biển đảo huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang theo hướng bền vững. Sustainable Development of Tourism Products and Human Resources, tổ chức ngày 23/08/2019, Thành phố Đà Lạt. Information and Communications Publishing House. Hà Nội, 515-521.
- Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân, 2019. Đánh giá của du khách đối với sự phát triển du lịch biển đảo bền vững ở huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Kỳ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý Toàn Quốc - Khoa học Địa lý Việt Nam phục vụ phát triển bền vững trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, ngày 22/4/2019, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế. Nhà xuất bản Thanh niên. Thừa Thiên Huế, 323-332.